TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TH** **TINH LONG A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 19/2023/DS-ST
Ngày 23-5-2023
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TH-TỈNH LONG A

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Bà Võ Thị Vân Khánh
2.Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Anh Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Th.

-***Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Th tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Kim The - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Th xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2023; Thụ lý bổ sung số 33A/2023/TB-TLVA ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* chị Bùi Nhã Tr, sinh năm 1999

Trú tại: ấp Bảy Ng, xã Tân N, huyện Tân Th, tỉnh Long A

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Bảy Ng, xã Tân N, huyện Tân Th, tỉnh Long A (văn bản ủy quyền ngày 27/02/2023).

2.*Bị đơn*: ông Lê Tấn T, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Bằng L, xã Tân L, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

Chổ ở hiện nay: ấp Bảy Ng, xã Tân N, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

3.*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp Bảy Ng, xã Tân N, huyện Tân Th, tỉnh Long A (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của chị Bùi Nhã Tr trình bày: Khoảng tháng 8/2020 chị giao bà Nguyễn Thị L (là mẹ chị Tr) 10.000.000đồng và đến ngày 06/10/2020 âm lịch chị giao tiếp bà L 30.000.000đồng, tổng cộng 40.000.000đồng để cho vợ chồng ông T, bà H mượn mua bán làm ăn. Sau đó chị có yêu cầu trả lại tiền mượn nhưng bà H không trả, đến ngày 28/10/2021 bà H ký giấy mượn nợ hứa chị mỗi tháng trả 2.000.000đồng mà không thực hiện.

Về phần tiền lãi, từ ngày 06/10/2020 âm lịch đến thàng 8/2021 âm lịch bà H trả 10 tháng, nhưng mẹ chị cho lại 02 tháng còn nhận 08 tháng lãi, mỗi tháng 1.6000.000đồng.

Nay chị yêu cầu vợ chồng ông T và bà H trả lại 40.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị H trình bày: Năm 2020 có vay của chị Bùi Nhã Tr số tiền 40.000.000đồng để làm ăn, mỗi tháng trả lãi với lãi suất 40.000đồng/1.000.000đồng/tháng, tiền lãi 01 tháng là 1.600.000đồng và trả lãi mỗi tháng đều đặng cho chị Tr, sau đó vợ chồng bà có hứa với chị Tr mỗi tháng trả 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

Nay vợ chồng tôi thừa nhận nợ chị Tr 40.000.000đồng, nhưng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Như lời trình bày của Tr vì số tiền này Tr giao cho tôi để cho vợ chồng ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị H mượn làm ăn, sau khi làm giấy mượn nợ vợ chồng ông T cam kết hứa trả mà đến nay không trả. Nay bà yêu cầu ông T và bà H trả lại cháu Tr 40.000.000đồng tiền nợ.

Kiểm sát viên -Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Th phát biểu ý kiến:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc xét xử đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định BLTTDS và đảm bảo nguyên tắc xét xử.

Nguyên đơn, bị đơn đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và các tài liệu chứng cứ được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Tr cung cấp chứng cứ giấy mượn nợ ngày 28/10/2021 của vợ chồng bà Nguyễn Thị H số tiền 40.000.000đồng, phía ông T và bà H thừa nhận nợ và đồng ý trả nhưng xin trả

dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên pháp luật không có quy định xin trả dần và phía nguyên đơn không đồng ý, do đó nguyên đơn yêu cầu trả số tiền 40.000.000đồng có cơ sở.

Về lãi suất, ông T và bà H có trả lãi 40.000đồng/1.000.000đồng/tháng, tổng cộng 01 tháng là 1.600.000đồng nhưng không nhớ trả bao nhiêu lần. Nay bị đơn không yêu cầu tính lại số tiền lãi đã trả và nguyên đơn không yêu cầu tính lãi của số tiền 40.000.000đồng, nên không xem xét.

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 quy định án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hộ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đối với giấy mượn nợ ngày 28/10/2021 người mượn nợ Nguyễn Thị H, còn người cho mượn nợ bà Nguyễn Thị L, nhưng tại phiên bà H và bà L thừa nhận số tiền bà L giao cho bà H vay là tiền của chị Tr, do đó xác định tư cách tố tụng chị Bùi Thị Trúc là nguyên đơn và bà L người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", nay xảy ra tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung*: Vào năm 2020 âm lịch chị Tr cho bà H vay tiền 02 lần, tổng cộng số tiền 40.000.000đồng tuy không làm giấy tờ và thời gian trả nợ, nhưng chị Tr có yêu cầu trả nợ thì bà H không có trả, nên ngày 28/10/2021 chị Tr viết giấy và bà H ký nhận giấy nợ là phù hợp chứng cứ chị Tr cung cấp cho Tòa án.

[2.1] Xét thấy về giấy mượn nợ ngày 28/10/2021 giữa hai bên chị Tr và bà H không thỏa thuận thời gian trả nợ nhưng trong giấy nợ bà H cam kết sẽ trả nợ đúng hạn theo yêu cầu của nguyên đơn, tuy nhiên chị Tr có yêu cầu trả nợ nhiều lần mà bà H không thực hiện như cam kết là vi phạm thỏa thuận trả nợ với chị Tr. Còn ông Lê Tấn T chồng bà H không ký tên trong giấy mượn nợ ngày 28/10/2021 nhưng thời gian này giữa ông T và bà H còn tồn tại hôn nhân, cũng như bà H vay tiền của chị Tr mục đích làm kinh tế cho gia đình và ông T thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng, nên ông T có trách nhiệm với bà H trả nợ cho chị Tr là phù hợp.

[2.2] Còn về thời gian trả nợ, tại phiên tòa bà L (người đại diện) yêu cầu vợ chồng ông T trả số tiền 40.000.000đồng dứt điểm 01 lần, còn phía vợ chồng ông T trình bày do hoàn cảnh gia đình khó khăn và làm ăn thua lỗ nên xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi hết nợ nhưng việc xin trả dần tiền nợ của vợ chồng ông T không được bà L đồng ý, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L là có cơ sở theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về số tiền lãi, xét thấy giấy mượn nợ ngày 28/10/2021 hai bên không có thỏa thuận trả lãi, nhưng bà H đã tự nguyện trả lãi cho chị Tr hàng tháng, mỗi tháng là 1.600.000đồng và bà đã trả 12 tháng với tổng số tiền 19.200.000đồng nhưng không nhớ thời gian trả, còn bà L thừa nhận bà H có trả lãi 10 tháng từ tháng 10/2020 âm lịch đến tháng 8/2021 âm lịch nhưng bà cho lại 02 tháng và chỉ nhận của bà H 08 tháng lãi số tiền 12.800.000đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa bà L với vợ chồng ông T thống nhất với nhau đã trả lãi được 08 tháng số tiền 12.800.000đồng và không có tranh chấp số tiền lãi đã trả, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ngoài ra tại phiên tòa vợ chồng ông T và bà H không yêu cầu tính lại số tiền lãi đã trả cho chị Tr, đồng thời bà L cũng không yêu cầu tiếp tục tính lãi số tiền 40.000.000đồng của vợ chồng ông T vay, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Còn đối với bà Nguyễn Thị L, xét thấy đối với giấy mượn nợ ngày 28/10/2021 có ghi người cho mượn nợ Nguyễn Thị L, tuy nhiên tại phiên tòa bà L thừa nhận số tiền 40.000.000đồng bà giao cho bà H vay là tiền của chị Tr, do đó vợ chồng ông T có nghĩa vụ trả chị Tr, nên bà không yêu cầu là phù hợp, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Ông T và bà H có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; chị Tr đơn khởi kiện được chấp nhận nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/1016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Nhã Tr.

1.Buộc ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả chị Bùi Nhã Tr 40.000.000đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) tiền nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí: ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả chị Bùi Nhã Tr 1.000.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004391 ngày 07/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Th.

3.Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
-*TAND tỉnh Long A*;
-*VKSND huyện Tân Th;*
-*Chi cục THADS huyện Tân Th;*
-*Các đương sự;*
-*Lưu VT, hồ sơ vụ án.*

TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn H